

BÀI TẬP TỰ HỌC MÔN TOÁN LỚP 6

Hướng dẫn: Phụ huynh cho các con ôn lại kiến thức cần nhớ ghi ở mỗi phần, trước khi làm bài. Các con làm mỗi ngày 1 phần, tương ứng với 1 đơn vị kiến thức đã học. Trân trọng!

Phần 1. Số nguyên, thứ tự trong tập hợp số nguyên.

Kiến thức cần nhớ: - Định nghĩa tập hợp số nguyên (trang 69 – SGK tập 1)
- Số đối của một số nguyên (trang 70 – SGK tập 1)
- So sánh hai số nguyên (Nhận xét – trang 72 – sgk tập 1)
- Giá trị tuyệt đối của một số nguyên (Nhận xét – trang 72 – SGK tập 1)

Bài 1. Sắp xếp các số nguyên theo thứ tự tăng dần

a) $-6, 12, -3, -10, 9, 0$ b) $11, -4, -12, 0, 4, 8$ c) $2, 5, -6, -1, -18$ d) $-13; 24; 15; -3; 0$

Bài 2. Tìm giá trị tuyệt đối của các số sau: 12; -3; 4; 19; 0; -34; 26

Mẫu: $|12| = 12$

Bài 3. Tìm số đối của các số sau: 4; -12; 5; 8; 32; -15, |-2|

Mẫu: Số đối của 4 là -4.

Bài 4. Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $|-6| - |-4|$ b) $|-7| \cdot 3$ c) $|18| : |-6|$ d) $|153| - |-53|$

Bài 5. Tìm x, biết:

a) $|x - 3| = 2$ b) $2 \cdot |x - 4| = 8$ c) $12 - |x + 5| = 8$

Bài 6. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

1. Tập hợp các số nguyên gồm:

- A. Số nguyên âm và số nguyên dương B. Số nguyên âm và số 0
C. Số tự nhiên và số 0 D. Số nguyên âm, số nguyên dương và số 0

2. Tập hợp nào gồm các số nguyên được sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

- A. $\{-12; 10; 4; 0; -6\}$ B. $\{-6; -12; 0; 4; 10\}$ C. $\{-12; -6; 0; 4; 10\}$ D. $\{0; 4; -6; 10; -12\}$

3. Câu nào sau đây là sai?

- A. Số đối của một số nguyên âm là số nguyên dương B. Số đối của số nguyên dương là chính nó
C. Số đối của số 0 là một số nguyên âm D. Tổng của hai số đối nhau luôn bằng 0.

Phần 2: Các phép toán trong tập hợp số nguyên

Kiến thức cần nhớ:

- Quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu
- Quy tắc trừ hai số nguyên
- Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu

Bài 1. Thực hiện phép tính.

- a) $35 - 12 \cdot (-6)$ b) $(-3)^2 \cdot 4 + (15 - 25)$ c) $(-38) - 12 + 4$ d) $25 \cdot (-3) - (-2)^3 \cdot 5$
 e) $(-4) \cdot (-5) \cdot (-6)$ f) $(-5)^3 \cdot 2^2$ g) $48 : (-4) + 25$ e) $(-12 + 6) \cdot (-4)$

Bài 2. Điền số vào ô trống cho đúng:

Bảng 1:

a	12	9		-7		125	-4
b	-5		-3		12		4
a.b		-45	-15	-56	-60	0	

Bảng 2:

a	12	8		-7		125	-4
b	-5		-3		12		4
a+b		-30	-15	-56	-60	0	

Bài 3. Tính giá trị biểu thức $(x+6)(x-5)$ khi $x = -3$.

Bài 4. Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án:

1. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Tổng của hai số nguyên âm là một số nguyên âm.
- B. Tổng của hai số nguyên dương là một số nguyên dương.
- C. Tổng của một số nguyên âm và một số nguyên dương bằng 0.
- D. Tổng của hai số đối nhau thì bằng 0.

2. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

- A. Tích của hai số nguyên âm là một số nguyên âm.
- B. Tích hai số nguyên trái dấu là một số nguyên âm.
- C. Tích của một số nguyên với 0 thì bằng chính số đó.
- D. Tích của hai số nguyên đối nhau bằng 0.

3. Kết quả phép tính: $(-2)^3 \cdot 3^2 \cdot (-5)$ bằng:

- A. 360 B. -360 C. 180 D. 270

4. Giá trị nguyên nào của x thỏa mãn $8 \cdot x > 0$?

- A. -3 B. 3 C. 0 D. -1

Phần 4: Ước và bội của một số nguyên

Kiến thức cần nhớ: - Khái niệm bội và ước của một số nguyên.

Cách tìm bội và ước của một số nguyên:

- Muốn tìm các ước của một số nguyên, ta tìm các ước là số tự nhiên, sau đó tìm thêm các ước là số đối của các số vừa tìm được.
- Muốn tìm các bội của một số nguyên, ta lấy số đó lần lượt nhân với 0, 1, -1, 2, -2....

Bài 1.

a) Viết tất cả các ước của 5; -12; 15; 11.

b) Viết 10 bội của: 2; 5; 7; 9

Bài 2. Tìm số nguyên n để:

a) -16 chia hết cho n

b) 19 chia hết cho $n-1$

c) $15:(n-5)$

d) $(n-4):(n+3)$

Bài 3. Viết các số sau thành tích của hai số nguyên. (Viết tất cả các cách có thể)

-16; -12; 15; 9; 16

Mẫu: $-10=5.(-2)=(-5).2=1.(-10)=(-1).10$

Bài 4. Tìm số nguyên x, biết:

a) $23.(x-1)=-46$

b) $(x-2).(x-5)=0$

c) $(-5).(x+23)=25$

d) $25.x+15=-10$

Bài 5*. Tìm các cặp số nguyên x, y biết:

a) $(x-2).(y-3)=15$

b) $(x+2).(y-10)=7$

Gợi ý: em thử phân tích số ở bên vế phải như bài 3, rồi chia trường hợp.

Chúc các em ôn tập tốt!